

Số: 1959/QĐ-UBND

Hương Trà, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng  
xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính Trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy*

*quyền công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Công văn số 5049/SXD-QHKT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040;*

*Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt về Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hương Bình về đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 1737/TTr-QLĐT và Báo cáo thẩm định số 1737/TĐ-QLĐT ngày 29 tháng 12 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040 với những nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới:**

- Vị trí: Xã Hương Bình nằm về phía Tây Nam thị xã Hương Trà, cách trung tâm thị xã khoảng 15 km và cách trung tâm thành phố 23 km về hướng Tây.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông giáp phường Hương Hồ, xã Hương Thọ - thành phố Huế;

+ Phía Tây giáp phường Hương Vân - thị xã Hương Trà;

+ Phía Bắc giáp phường Hương Xuân, phường Hương Vân, phường Hương Chũ - thị xã Hương Trà;

+ Phía Nam giáp xã Bình Tiến - thị xã Hương Trà.

### **2. Quy mô lập quy hoạch:**

- Quy mô đất đai: tổng diện tích tự nhiên 6.293,72 ha.

- Quy mô dân số:

+ Dân số hiện trạng: 3.494 người.

+ Dân số quy hoạch đến năm 2040: 5.500 người.

### **3. Mục tiêu:**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành trong đề án quy hoạch nông thôn mới cấp xã.

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng, quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật và quỹ đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả, gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng đến năm 2040.

- Thiết lập công cụ quản lý, kiểm soát không gian trên địa bàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn, quản lý trong quá trình thực hiện các dự án, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành đến năm 2040.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn xã để phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

#### **4. Tính chất:**

- Là khu vực liên kết vùng, kết nối các xã của thuộc thị xã Hương Trà theo tuyến đường tỉnh lộ 16

- Là khu vực có tiềm năng phát triển dịch vụ - du lịch, trồng cây ăn trái, trồng rừng và dược liệu, khai thác vật liệu xây dựng.

- Là khu vực đầu tư đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; gắn với không gian cảnh quan vùng núi thích nghi với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

#### **5. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

a) Quy mô dân số và lao động: Dự báo dân số đến năm 2040 khoảng 5.500 người; Tỷ lệ tăng dân số trung bình khoảng 1,2% so với dân số cố định; Dự báo số lượng lao động đến năm 2040 khoảng 3.900 người (khoảng 67% dân số).

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu: Các yêu cầu và chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 8 Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/7/2015 của Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT- BXD ngày 19/5/2021; QCVN 7:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### **6. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã**

##### **6.1. Xác định cơ cấu phân khu chức năng toàn xã:**

##### **6.1.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp:**

- Vùng trồng lúa: Diện tích đất trồng lúa tại xã Hương Bình chiếm diện tích khoảng 59,26ha nằm rải rác trong các thôn, xen kẽ các vùng đất trồng trọt, quỹ đất này phần lớn nằm ở khu vực thấp trũng dọc các khe, không thuận lợi xây dựng đồng thời đóng vai trò thoát nước trong mùa mưa lũ trong, giai đoạn đến 2040 vẫn giữ các khu vực trồng lúa, tuy nhiên cần đầu tư thâm canh, tận dụng tốt nguồn nước từ các đập dâng đồng thời áp dụng công nghệ hiện đại, đưa các

loại giống mới để tăng năng suất, ổn định phát triển sản xuất diện tích lúa nước trên địa bàn.

- Vùng trang trại tập trung và đất trồng trọt khác:

+ Quy hoạch đất trang trại tập trung quy mô khoảng 57,12ha ở khu vực thôn Hương Sơn, chú trọng áp dụng tiến bộ khoa học từng bước cơ giới hóa quá trình sản xuất, lựa chọn cây trồng vật nuôi phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu địa phương nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh, đem lại hiệu quả cao, khuyến khích xây dựng các công trình khí sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải để đảm bảo các yếu tố môi trường.

+ Đối với các khu vực trồng trọt khác định hướng đến năm 2040 Hương Bình vẫn phát triển các lịch vực sản xuất nông nghiệp trong đó trồng trọt đóng vai trò lớn phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đất sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung các khu vực có quy mô tương đối lớn như thôn Tân Phong, Bình Dương, Bình Sơn. Tuy nhiên cần ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, coi trọng đến việc cải tạo chất lượng giống, bố trí các loại giống mới, nhằm năng suất cao. Chuyển đổi và nhân rộng các mô hình trồng trọt như mô hình trồng cây ăn trái như Cam, Thanh Trà, mô hình chanh không hạt ... để nhân rộng trên địa bàn xã nhằm mang lại hiệu quả kinh tế.

- Vùng trồng rừng: Đất rừng sản xuất của địa phương tập trung tại khu vực thôn Quang Lộc, thôn Bình Sơn. Đất rừng phòng hộ tập trung ở khu vực hồ thủy điện, đây đồng thời cũng là diện tích rừng tự nhiên cần được khoanh vùng và giữ lại. Địa hình trên địa bàn xã thích hợp phát triển trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp, dược liệu... do đó trong thời gian tới trồng rừng là nhiệm vụ quan trọng, vừa mang lại lợi ích kinh tế vừa góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời cương quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm phá hoại rừng phòng hộ.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Đất nuôi trồng thủy sản khoảng 3,09ha chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ, duy trì diện tích các ao, hồ nuôi trồng thủy sản trong toàn xã.

### **6.1.2. Khu vực TTCN:**

Quy hoạch khu TTCN quy mô 15,0ha vị trí trên tuyến tỉnh lộ 16 thuộc thôn Bình Sơn, với mục tiêu gom các hộ sản xuất nhỏ lẻ các ngành nghề như mộc dân dụng, cưa xẻ gỗ công nghiệp, cơ khí, chế biến nông lâm sản... nhằm hình thành điểm sản xuất tập trung và quản lý về môi trường sản xuất. Khuyến khích việc sử dụng lao động tại chỗ, tạo điều kiện để nâng cao trình độ của người lao động.

### **6.1.3. Khu vực khai thác vật liệu xây dựng:**

Duy trì các mỏ đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác theo Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 trên địa bàn xã Hương Bình có 03 mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường đã được UBND tỉnh cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản là mỏ đá thượng nguồn Khe Bãng (QHK14), mỏ đá Hương Sơn (QHK15).

#### **6.1.4. Khu phát triển dịch vụ:**

Hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại tại các điểm giao lộ, dọc đường Tỉnh lộ 16... với các chức năng như trung tâm thương mại, trạm dừng chân kết hợp trạm xăng dầu... nhằm tạo các công trình điểm nhấn và thúc đẩy phát triển Kinh tế - xã hội.

#### **6.1.5. Khu phát triển du lịch:**

Hình thành các vùng du lịch gắn với hồ thủy điện (quy mô khoảng 19,76ha) và khu vực ven suối, thác Tâm Tình (quy mô khoảng 12,81ha). Chuyển đổi mỏ đá Ba Trại (không hoạt động) gần lòng hồ thủy điện nhằm hình thành khu dịch vụ du lịch ven hồ thủy điện, tránh ô nhiễm lòng hồ và gắn với tuyến du lịch Địa đạo khu Ủy Trị Thiên Huế hình thành vùng du lịch văn hóa lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm.

#### **6.1.6. Khu vực dân cư mới:**

Quy hoạch 10 điểm dân cư ở mới trên cơ sở khai thác các quỹ đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp sản xuất không hiệu quả từng thôn và khu trung tâm xã. Các điểm dân cư tập trung gắn với dân cư hiện hữu đảm bảo kết nối các khu ở với nhau và gắn liền với đất sản xuất theo mô hình kinh tế hộ gia đình. Tổ chức không gian thôn xóm, nhà ở và sinh hoạt cộng đồng phù hợp các thiết chế văn hóa truyền thống.

#### **6.1.7. Khu vực làng xóm cũ cải tạo:**

Chỉnh trang các làng xóm hiện hữu, tổ chức các khu ở xen ghép trong các khu dân cư.

### **6.2. Định hướng tổ chức không gian cảnh quan:**

- Xã Hương Bình có tuyến giao thông chính là Tỉnh lộ 16 kết nối từ Quốc lộ 1A đến Quốc lộ 49, chạy dọc từ phía Bắc xuống phía Nam đi qua trung tâm xã hiện hữu. Do đó định hướng quy hoạch khu trung tâm của xã vẫn giữ trên cơ sở hiện hữu tại thôn Hải Tân, các khu trung tâm các thôn bám theo trục giao thông này vừa tạo được bộ mặt khang trang cho xã, vừa thuận lợi trong đối ngoại và giao thương với các đơn vị hành chính lân cận. Từ đó phát triển hệ thống các công trình công cộng và các vùng sản xuất mang tính thế mạnh của xã dọc theo tuyến giao thông chính này. Đây là giải pháp quy hoạch phù hợp với điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

- Đối với các khu dân cư hiện nay thuộc các thôn chủ yếu bám dọc tuyến Tỉnh lộ 16 cơ bản giữ nguyên hiện trạng, định hướng cải tạo chỉnh trang bổ sung

các thiết chế văn hóa như nhà sinh hoạt cộng đồng, sân chơi nhằm đảm bảo các nhu cầu sinh hoạt văn hóa – TDTT, vui chơi giải trí của người dân.

- Định hướng hình thành các khu ở mới trên cơ sở các quỹ đất nông nghiệp, thuận lợi xây dựng. Trong giai đoạn quy hoạch ưu tiên phát triển các khu ở mới tại khu trung tâm xã, bên cạnh đó khai thác các quỹ đất thuận lợi xây dựng hình thành các điểm dân cư mới trong từng thôn nhằm đáp ứng nhu cầu ở cũng như văn hóa của địa phương.

- Đối với vùng sản xuất nông nghiệp hiện hữu, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của xã. Hình thành mới các vùng nông nghiệp như vùng trồng trọt (cây ăn quả) tại hai bên đường vào Ba Trại và trang trại tập trung tại khu vực Khe Bông (thôn Bình Sơn) phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng từng khu vực nhằm phát triển giống cây trồng vật nuôi thích hợp tạo năng suất cao, nâng cao nền kinh tế cho xã.

- Phát triển vùng quy hoạch dịch vụ du lịch tại Ba Trại (thôn Bình Sơn) và Thác Tâm Tình (thôn Quang Lộc). Các vùng sản xuất TTCN định hướng quy hoạch tại thôn Bình Sơn gắn liền với vùng khai thác vật liệu xây dựng trên tuyến Tỉnh lộ 16 tiếp giáp xã Hương Xuân, Hương Văn.

- Hệ thống hạ tầng được định hướng quy hoạch phù hợp, kết nối các thôn với vùng sản xuất, với trung tâm và các vùng liên xã. Đối với vùng bão lũ chú trọng hệ thống hạ tầng đảm bảo vấn đề thoát lũ được nhanh nhất và không gây ngập úng cục bộ.

### **6.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, hạ tầng xã hội:**

#### **6.3.1. Trung tâm xã:**

Hình thành trung tâm của xã quy mô khoảng 84,0ha, hình thành trên cơ sở hiện trạng của xã tại thôn Hải Tân và Bình Dương. Các công trình được bố trí tập trung bao gồm: Trụ sở HĐND & UBND xã Hương Bình, nhà Văn hóa xã, công viên trung tâm, bưu điện, đài tưởng niệm, trạm y tế, nhà văn hóa thôn Hải Tân và các trường học như Tiểu học và THCS, trường mầm non.

#### **6.3.2. Trung tâm Văn hóa - TDTT:**

Nhà văn hóa xã có quy mô khoảng 1319,1m<sup>2</sup> (diện tích giảm do trừ lộ giới các tuyến đường QH) đã được xây mới, bố trí tại trung tâm của xã thôn Hải Tân có vị trí ngay nút giao nhau của đường Tỉnh lộ 16 và đường liên thôn Hải Tân – Bình Dương. Tạo được điểm nhấn và tạo không gian điểm sinh hoạt văn hóa dành cho xã.

Xã đã có sân TDTT 11.903,6m<sup>2</sup> bố trí tại thôn Quang Lộc, định hướng cải tạo nâng cấp. Xây mới phòng tập thể thao, các sân chơi bóng chuyền, cầu lông...

#### **6.3.3. Trạm Y tế:**

Trạm Y tế xã có quy mô khoảng 2.192,3m<sup>2</sup> (diện tích giảm do trừ lộ giới các tuyến đường Qh) đã được xây mới, bố trí tại trung tâm của xã thôn Hải Tân có vị trí ngay nút giao nhau của đường Tỉnh lộ 16 và đường xóm.

#### **6.3.4. Chợ:**

Chợ Hương Bình giữ nguyên diện tích hiện trạng 3.901,9m<sup>2</sup> vị trí trên tuyến đường Tỉnh lộ 16 thuộc thôn Tân Phong, cải tạo nâng cấp và xây mới thêm một số hạng mục để đảm bảo nhu cầu sử dụng.

#### **6.3.5. Các công trình giáo dục:**

Trong địa bàn xã có đầy đủ hệ thống giáo dục. Định hướng hệ thống trường học xã Hương Bình bao gồm:

- Trường Mầm non: gồm 02 điểm trường nằm ở 2 vị trí phục vụ đều cho toàn xã. Cụ thể:

+ Cơ sở tại thôn Quang Lộc: diện tích đất 2.934,0m<sup>2</sup>: được hình thành trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng tại thôn Quang Lộc nhưng do một phần đất của trường nằm trong lộ giới Tỉnh lộ 16 và đường liên thôn, do đó diện tích còn lại khoảng: 2.031,7m<sup>2</sup>.. Định hướng chuyển đổi thành cơ sở 2, bán kính phục vụ cho 03 thôn Quang Lộc và Tân Phong.

+ Điểm Mầm non cơ sở 2 diện tích đất 806m<sup>2</sup>: được hình thành trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng tại thôn Hải Tân nhưng do một phần đất của trường nằm trong lộ giới Tỉnh lộ 16, do đó diện tích còn lại khoảng: 540,7m<sup>2</sup> không đảm bảo quy mô sử dụng. Định hướng chuyển đổi thành điểm xanh phục vụ toàn xã.

+ Quy hoạch điểm trường chính tại khu trung tâm, kết hợp trường THCS và Tiểu học tạo thành trung tâm giáo dục xã, quy mô khoảng 5.627,0m<sup>2</sup>, xây dựng đạt chuẩn quốc gia. Bán kính phục vụ cho 03 thôn Hải Tân, Bình Dương và Bình Sơn.

- Trường THCS và Tiểu học

+ Điểm THCS: mở rộng diện tích phía sau từ chuyển đổi từ quỹ đất trồng cây lâu năm, quy mô khoảng 14.427,5m<sup>2</sup>, xây dựng đạt chuẩn quốc gia.

+ Điểm Tiểu học: gồm 1 cơ sở chính nằm tại vị trí trung tâm xã. Trường Tiểu học hình thành trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng có diện tích đất 5.647,3m<sup>2</sup> (diện tích giảm do một phần đất của trường nằm trong lộ giới Tỉnh lộ 16). Nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

#### **6.3.6. Các công trình văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng:**

+ Đài Tưởng niệm diện tích hiện trạng 5.319,5m<sup>2</sup> vị trí trên tuyến đường Tỉnh lộ 16 thuộc thôn Hải Tân, cải tạo nâng cấp một số hạng mục để trở thành điểm sinh hoạt văn hóa của xã.

+ Các nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Quang Lộc (1.648,2m<sup>2</sup>), Bình Dương (992,5m<sup>2</sup>), Bình Sơn (1.068,5m<sup>2</sup>), Hải Tân (284,7m<sup>2</sup>) giữ nguyên vị trí hiện trạng tuy nhiên diện tích giảm do mở rộng lộ giới đường theo quy hoạch,

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Phong hiện tại phần lớn đất thuộc lộ giới đường Tỉnh lộ 16 do đó định hướng bố trí vị trí mới lân cận thuộc diện tích đất nông nghiệp, vị trí tên tuyến tỉnh lộ 16, quy mô khoảng 1059,5m<sup>2</sup>.

#### **6.3.7. Các công trình công viên vui chơi giải trí:**

+ Công viên trung tâm được bố trí trên tuyến tỉnh lộ 16 chuyên đổi từ quỹ đất trồng cây lâu năm, quy mô khoảng 17.225,9m<sup>2</sup>;

+ Quy hoạch điểm xanh khu vực xung quanh đài tưởng niệm tạo thành tổ hợp công trình văn hóa, quy mô khoảng 10.277,4m<sup>2</sup>

+ Bố trí các sân chơi, vườn hoa tại các khu vực trung tâm từng thôn đảm bảo nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn của người dân.

#### **6.3.8. Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng:**

Các công trình tôn giáo tín ngưỡng được giữ nguyên, cải tạo trùng tu nhằm gìn giữ nét văn hóa của người dân nơi đây.

#### **6.3.9. Công trình an ninh:**

Xây dựng trụ sở công an mới tại vị trí nhà sinh hoạt cộng đồng cũ thuộc thôn Bình Sơn , quy mô khoảng 1.066,2m<sup>2</sup> (diện tích giảm do một phần đất của trường nằm trong lộ giới Tỉnh lộ 16).

#### **6.3.10. Các công trình dịch vụ thương mại:**

Bố trí các công trình dịch vụ thương mại như trung tâm thương mại, trạm dừng chân kết hợp trạm xăng dầu... dọc các các vị trí thuận lợi xây dựng, các giao lộ trên tuyến tỉnh lộ 16 nhằm tạo các công trình điểm nhấn.

#### **6.3.11. Các công trình dịch vụ du lịch:**

- Bố trí tại khu vực Ba Trại ven hồ thủy điện, quy mô khoảng 19,76ha.

- Bố trí tại khu vực thác Tâm Tình, quy mô khoảng 12,81ha.

**6.3.12. Các công trình cơ quan hành chính sự nghiệp:** Cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đồng bộ, hài hòa với thiết chế của khu trung tâm xã.

**6.3.13. Các công trình nhà ở:** Nhà ở bố trí dọc theo các đường giao thông chính, giao thông thôn, xóm đảm bảo lưu thông thuận lợi nhất, mật độ xây dựng hợp lý phù hợp với cảnh quan chung.

### **6.4. Định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn xã:**

#### **6.4.1. Đất nông nghiệp:**

Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2040, diện tích các loại đất nông nghiệp được bố trí sử dụng như sau:

- Đất trồng lúa nước: Diện tích 69,26 ha;

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 7,65 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 1335,93 ha;

- Đất trồng rừng sản xuất: Diện tích 2.654,61ha; giảm 196,58 ha.



- Đất rừng phòng hộ: 288,68 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 3,09ha.

#### **6.4.2. Đất xây dựng nông thôn:**

Đến năm 2040, các loại đất phi nông nghiệp được bố trí sử dụng như sau:

- Đất đơn vị ở làng xóm: Diện tích: 56,53 ha. Trong đó:
  - + Đất ở hiện trạng: Diện tích là 42,58 ha;
  - + Đất đơn vị ở mới: Diện tích là 13,95 ha;
- Đất xây dựng công trình công cộng ( trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp...): Diện tích 5,84ha, trong đó:
  - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích là 0,25 ha;
  - + Đất cơ sở y tế: Diện tích 0,22 ha.
  - + Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Diện tích 2,77 ha.
  - + Đất công trình bưu chính viễn thông: Diện tích 0,57 ha.
  - + Đất công trình công cộng khác (cơ sở văn hoá, sinh hoạt cộng đồng): Diện tích 1,64 ha.
- Đất cây xanh -TDDT: Diện tích 6,21ha, trong đó:
  - + Đất cây xanh công viên: Diện tích 5,02 ha.
  - + Đất TDDT: Diện tích 1,19 ha.
- Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình, đền: Diện tích 0,26 ha.
- Đất tiêu thụ công nghiệp và làng nghề: Diện tích 15,00 ha
- Đất xây dựng các chức năng khác: Diện tích 39,25 ha, trong đó:
  - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan khác: Diện tích 0,14 ha.
  - + Đất phát triển du lịch: Diện tích 32,56 ha.
  - + Đất thương mại dịch vụ: Diện tích 6,55 ha.
- Đất xây dựng các công trình HTKT: Diện tích 126,77 ha, trong đó:
  - + Đất giao thông: Diện tích 65,75 ha.
  - + Đất giao thông: Diện tích 65,75 ha.
  - + Đất công trình xử lý CTR: Diện tích 48,30 ha.
  - + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Diện tích 12,19 ha.
  - + Đất công trình HTKT khác (công trình năng lượng, công trình đầu mối...): Diện tích 0,53 ha.
- Đất xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất (thủy lợi, kho, trại, trạm...): Diện tích 4,31 ha.

- Đất An ninh, quốc phòng: Diện tích 1.306,30 ha.

#### **6.4.3. Đất khác:**

Đất khác: Diện tích 364,34 ha, trong đó:

+ Đất dự trữ phát triển: Diện tích 14,19 ha.

+ Đất cây xanh cảnh quan (phục vụ toàn đô thị): Diện tích 7,46 ha.

+ Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng: Diện tích 330,50 ha.

Trong đó:

+ Đất sông ngòi kênh rạch: Diện tích 48,76 ha.

+ Đất mặt nước chuyên dùng (hồ thủy điện): Diện tích 281,74 ha.

**Bảng thống kê tổng hợp quy hoạch sử dụng đất**

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m <sup>2</sup> /người)
I	Đất nông nghiệp	4347,92	69,08	
1.1	Đất trồng lúa	59,26		
1.2	Đất trồng trọt khác	1343,58	21,35	
-	Đất trồng cây hằng năm	7,65		
-	Đất trồng cây lâu năm (đất trồng cây lâu năm, đất vườn...)	1335,93		
1.3	Đất rừng sản xuất	2653,31	42,16	
1.4	Đất rừng phòng hộ	288,68	4,59	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	3,09	0,05	
II	Đất xây dựng	1581,47	25,13	
2.1	Đất đơn vị ở làng xóm	56,53	0,90	161,8
-	Đất ở hiện trạng	42,58	0,57	121,9
	Đất ở hiện trạng chỉnh trang	36,15		
	Đất ở hiện trạng xen ghép	6,43		
-	Đất đơn vị ở mới	13,95		69,5
	Đất đơn vị ở quy hoạch mới	13,95		
2.2	Đất công cộng (Trụ sở cơ quan, y tế, văn hóa, chợ, trường học, điểm bưu điện văn hóa xã..)	5,84	0,09	10,62
-	Đất trụ sở cơ quan	0,25	0,00	
-	Đất y tế	0,22	0,00	
-	Đất công cộng khác (đất xây dựng cơ sở văn hóa, sinh hoạt cộng đồng...)	1,64	0,03	

-	Đất bưu điện văn hóa xã	0,57	0,01	
-	Đất trường học	2,77	0,04	
	Trường THCS	1,44	0,02	47,60
	Trường Tiểu học	0,56	0,01	15,66
	Trường Mầm non	0,77	0,01	28,00
-	Đất chợ	0,39	0,01	
2.3	Đất cây xanh , thể dục thể thao	6,21	0,10	11,29
-	Đất cây xanh công viên	5,02	0,08	
-	Đất TDTT	1,19	0,02	
2.4	Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình, đền	0,26	0,00	
-	Đất cơ sở tôn giáo	0,19		
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,07		
2.5	Đất tiểu thủ công nghiệp	15,00	0,24	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	21,00		
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	39,25	0,62	
-	Đất trụ sở cơ quan khác	0,14		
-	Đất phát triển du lịch	32,56	0,52	
-	Đất thương mại dịch vụ	6,55	0,10	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	126,77	2,01	
-	Đất giao thông	65,75	1,04	
-	Đất xử lý chất thải rắn	48,30		
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	12,19		
-	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (công trình năng lượng, công trình đầu mối..)	0,53		
2.9	Đất hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất (thủy lợi, kho, trại, trạm...)	4,31		
2.10	Đất quốc phòng an ninh	1306,30	20,76	
-	Đất quốc phòng	7,84	0,12	
-	Đất an ninh	1298,45	20,63	
3	Đất khác	364,34	5,79	
3.1	Đất dự trữ phát triển	14,19		
3.2	Đất cây xanh cảnh quan (phục vụ toàn đô thị)	7,46		
3.3	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng	330,50		
-	Đất sông ngòi, kênh rạch	48,76		

-	Đất mặt nước chuyên dùng (hồ thủy điện)	281,74		
	<b>Tổng</b>	<b>6293,72</b>	<b>100,00</b>	

### **6.5. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

#### **6.5.1. Chuẩn bị kỹ thuật:**

Xã Hương Bình thuộc vùng núi, độ dốc tự nhiên lớn, giải pháp san nền chung toàn xã là bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp, tránh sạt lở.

\* Nền xây dựng:

- Đối với khu dân cư hiện trạng: tôn trọng địa hình tự nhiên hiện có, chỉ can thiệp tại khu vực xây dựng công trình. Cao độ nền nhà  $\geq 0,3\text{m}$  so với cao độ vỉa hè.

- Đối với khu dân cư mới: tôn trọng địa hình tự nhiên hiện có, san nền theo cao độ tính toán, tuy nhiên cần có sự khớp nối giữa khu vực xây dựng mới và khu vực hiện trạng, tránh ảnh hưởng đến khu vực cũ. Cao độ nền nhà  $\geq 0,45\text{m}$  so với cao độ vỉa hè.

\* Thoát nước mặt: Khu dân cư: Định hướng chung là chảy tràn và mương thoát nước cho các khu dân cư dọc theo các đường nội bộ thôn và liên thôn; Khu vực trung tâm xã: Định hướng mạng lưới cống có đường kính D600, D800, D1000;

- Lưu vực thoát nước: Toàn bộ xã được chia thành 02 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Toàn bộ khu vực các khu dân cư thoát về khe Đìêng.

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Tây Bắc thoát theo địa hình tự nhiên vào hồ thủy điện.

#### **6.5.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:**

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Tuyến Tỉnh lộ 16 (mặt cắt 1-1) với tổng chiều dài khoảng 14,5 km, giữ nguyên hiện trạng tuyến, hoàn thành nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô đường cấp III-ĐB lộ giới đường 31m, lòng đường mỗi bên rộng 10,5m, dải phân cách 1,0m, lề đường rộng 4,5m.

- Tuyến Quốc lộ 19B (mặt cắt 1-1) với tổng chiều dài khoảng 0,95 km, định hướng kết nối với phường Hương Hồ, thành phố Huế có lộ giới đường 31.0m, lòng đường mỗi bên rộng 10,5m, dải phân cách 1,0m, lề đường rộng 4,5m.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

Nâng cấp cải tạo chỉnh trang các tuyến đường hiện có, xây dựng mới và đấu nối hệ thống giao thông xã với hệ thống giao thông các xã lân cận, giao thông liên vùng tạo thành một mạng lưới liên hoàn, thuận tiện.

- Đối với đường vào hồ thủ điện, đường vào trại giam: Lộ giới 16,5m; mặt cắt ngang (3,0m + 10,5m + 3,0m).

- Đối với đường liên thôn chính: Lộ giới 13,5m; mặt cắt ngang (3,0m + 7,5m + 3,0m).

- Đối với đường liên thôn khác: Lộ giới 12,0m; mặt cắt ngang (3,0m + 6,0m + 3,0m).

- Đường thôn xóm trong khu ở hiện hữu: lộ giới tối thiểu 7,5m.

- Đường giao thông sản xuất: lộ giới tối thiểu 5,5m.

c) Bãi đỗ xe, trạm xe buýt:

- Xây dựng các khu vực bãi đỗ xe tại các vị trí thích hợp như khu công viên trung tâm, khu dịch vụ du lịch, khu thể dục thể thao ...

- Trạm trung chuyển xe buýt, bến xe: bố trí trên tuyến đường Tỉnh lộ 16, bên cạnh chợ Hương Bình, đảm bảo kết nối thuận tiện với các khu vực lân cận, quy mô khoảng 1.823m<sup>2</sup>.

d) Bến thuyền:

Cải tạo nâng cấp bến đò tại Ba Trại thành bến thuyền du lịch, kết nối các điểm du lịch khác như khu Địa đạo Khu ủy Trị Thiên Huế.:

### **6.5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

- *Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước:*

- + Cấp nước sinh hoạt: 60 l/người.ngđ; tỷ lệ cấp nước sạch 100% dân số;

- + Nước cấp cho công trình công cộng, dịch vụ khác: 10% cấp nước sinh hoạt;

- + Nước cấp cho công nghiệp, sản xuất: 20m<sup>3</sup>/ha (tính cho 60% diện tích công nghiệp);

- + Nước phục vụ tưới cây, rửa đường: 8% cấp nước sinh hoạt;

- + Nước dự phòng, rò rỉ: 15% Q<sub>tổng</sub>

- + Tổng nhu cầu cấp nước ngày dùng nước lớn nhất (làm tròn): 860 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn nước: Nâng cấp nhà máy cấp nước Bình Điền qua trạm trung chuyển điều áp TTCĐA: 1.000m<sup>3</sup>/ngđ Hương Bình.

- Mạng lưới:

- + Mạng lưới đường ống sử dụng mạng lưới kết hợp.

+ Đường ống chính chạy dọc theo đường tinh lộ 16 có đường kính D150-225, các tuyến nhánh phân phối đến khu dân cư và làng bản có đường kính từ D63-D110.

+ Giữ nguyên hiện trạng hệ thống cấp nước đã có ở địa bàn xã, nâng cấp trạm cấp nước hiện có. Định hướng từ hệ thống chính rẽ nhánh các tuyến nhỏ vào xóm dân cư hiện nay chưa có và các khu dân cư định hướng mới.

+ Sử dụng mạng lưới kiểu cành cây; Dựng ống HDPE để cấp nước cho khu vực nghiên cứu. ống HPDE D90 chạy theo tuyến chính, các nhánh sử dụng ống D63; Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,7m (đối với ống có đường kính nhỏ hơn D75 đặt trên vỉa hè) và tối thiểu 1,1m (đối với ống qua đường xe chạy).

- Giải quyết áp lực: Mạng lưới cấp nước tính đảm bảo cấp nước cho nhà thấp tầng.

- Giải quyết khi có cháy: Tận dụng hệ thống sông suối ao hồ trong khu vực làm nguồn nước chữa cháy, khi có cháy xảy ra sử dụng xe cứu hỏa lấy nguồn nước sông, suối ao, hồ gần nhất để chữa cháy.

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt.

#### **6.5.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:**

Hệ thống thoát nước khu đô thị xây dựng mới: sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng.

Vạch tuyến thoát nước: Đảm bảo cho tuyến công chính có chiều dài ngắn nhất nhưng bán kính phục lớn nhất, đường kính ống nhỏ, độ sâu chôn cống nhỏ; tiết kiệm trong đầu tư xây dựng nhưng khả năng thoát nước tốt hơn.

Nước trên bề mặt sẽ được thoát xuống hệ thống Mương đặt hai bên hè đường cách bó vỉa 1,5m. Đường kính hệ thống mương thoát nước D600-D1800.

Hố ga được đặt ở các điểm giao cắt của các tuyến công, hố ga thu nước được đặt trên các tuyến công với khoảng cách từ 30-50m.

- Hướng thoát nước chính: Nước thoát vào khe Đìêng và trên cơ sở hệ thống thoát nước hiện trạng là các suối.

- Giải pháp thoát lũ và chống ngập úng: Trong quá trình xây dựng tuyệt đối không san lấp thu hẹp suối hiện trạng làm cản trở dòng chảy của hệ thống thoát nước.

#### **6.5.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:**

- Hệ thống thoát nước: sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng.

+ Giai đoạn đầu sử dụng hệ thống thoát chung là nước mưa và nước thải thoát cùng một hệ thống đường ống và xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận.

+ Giai đoạn sau sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng: là khi hệ thống thoát nước chung đã hoàn thiện, thì tại khu vực hạ lưu của hệ thống thoát nước chung, bố trí tuyến cống bao để tách nước thải đưa về trạm xử lý.

- Tổng lưu lượng thoát nước: tính bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước, ngoại trừ lượng nước thất thoát rò rỉ và lượng nước tưới cây rửa đường.

- Nước thải từ công trình phải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống thoát nước của khu tiểu thủ công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng; Nước thải sản xuất phải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN24-2009 (nguồn loại B); Dự kiến mỗi điểm TTCN có 1 trạm xử lý nước thải với công suất 100 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Trong trường hợp hạ tầng khung về thu gom, thoát nước thải, trạm xử lý nước thải chưa được đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt, nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị phải được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

#### **6.5.6. Quy hoạch vệ sinh môi trường, chất thải rắn và nghĩa trang:**

- Thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ; CTR hữu cơ cho chăn nuôi gia súc, ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp; CTR vô cơ được xe chuyên dụng đến thu gom từng hộ gia đình, sau đó chuyển lên lò đốt rác riêng của xã Hương Bình.

- Nghĩa trang và mai táng: Tổ chức đóng cửa các khu nghĩa địa hiện hữu không phù hợp quy định; Vận động nhân dân tự di dời và không mở rộng phát triển thêm, đối với những hộ khi có người thân qua đời an táng tại khu quy hoạch nghĩa trang mới của xã nhằm đảm bảo sức khỏe, môi trường không bị ô nhiễm cho người dân. Trong giai đoạn ngắn hạn (đến 2030): Giải tỏa các nghĩa địa nhỏ lẻ, rải rác trong các khu dân cư hiện hữu và chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp nhu cầu, ổn định; Quy hoạch 01 nghĩa trang nhân dân tập trung, quy mô 7,0 ha tại thôn Bình Sơn đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, hướng theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tiết kiệm quỹ đất theo quy định.

#### **6.5.7. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng và hạ tầng viễn thông thụ động:**

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt dân dụng:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 150 KW/người/năm;

+ Cấp điện công trình công cộng, TMDV: 35% PTSH;

+ Cấp điện công trình công nghiệp: 160 kW/ha;

- + Chỉ tiêu công viên cây xanh: 0,5 W/m<sup>2</sup>.
- + Chiều sáng đường: 1 W/m<sup>2</sup>.
- + Hệ số công suất: 0,85
- + Hệ số không đồng thời: 0,8
- + Điện dự phòng: 10% tổng công suất tính toán.
- Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực nghiên cứu là: 24.150 KVA.
- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp do công ty điện lực chi nhánh Bình Điền cung cấp, vị trí đầu nối tại trạm trung thế Bình Điền 110/22KV công suất 32MVA;
- Lưới điện: Lưới trung áp 22kV giữ nguyên hiện trạng, chỉ thay mới các tuyến dây đã qua hạn sử dụng.
- + Kéo đường dây hạ thế 22/0,4kV và trung thế 22kV theo các trục giao thông quy hoạch đến các khu dân cư mới.
- + Xây dựng tuyến điện đường chiếu sáng ở khu trung tâm xã và các tuyến rẽ. Tập trung khu vực công trình công cộng, công viên cây xanh,...
- + Trạm hạ áp 22/0,4kV: Giữ nguyên 10 trạm biến áp nâng công suất các máy hiện hữu lên 250 kVA. Xây mới 01 trạm biến áp công suất 250kva phục vụ sản xuất khu vực phá Bắc thôn Bình Sơn.
- Định hướng quy hoạch theo quy định tại Điều 40 Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông; hệ thống viễn thông thụ động định hướng đến năm 2035 đảm bảo nhu cầu phủ sóng sử dụng cho trên 95% dân số; đạt trên 20 hộ thuê bao sử dụng internet /100 dân.

## **6.6. Đánh giá tác động môi trường**

### **6.6.1. Đánh giá hiện trạng môi trường**

- Môi trường nước (nước thải, nước mặt, nước ngầm...); môi trường không khí, tiếng ồn; môi trường không đất; quản lý chất thải rắn.
- Môi trường sinh thái (về rừng, nông nghiệp, nước...) .
- Rủi ro môi trường.

### **6.6.2. Đánh giá tác động và diễn biến môi trường theo của định hướng phát triển**

- Đánh giá tác động theo các định hướng phát triển không gian đô thị.
- Diễn biến các thành phần môi trường: Diễn biến môi trường không khí, tiếng ồn; diễn biến môi trường đất; môi trường nước; môi trường sinh thái. Diễn



biến thay đổi cảnh quan; môi trường kinh tế - xã hội; môi trường văn hóa – lịch sử; tai biến và rủi ro môi trường.

### **6.6.3. Biện pháp phòng ngừa**

- Giải pháp bảo vệ môi trường đối với các khu vực sinh thái nông nghiệp; khu vực đô thị và khu ở; khu vực bảo tồn sinh thái.

- Giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với môi trường nước, môi trường không khí, tiếng ồn.

- Các giải pháp quản lý, cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường; tăng cường tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức công tác bảo vệ môi trường. Cơ chế quản lý và giám sát tại các nguồn phát sinh chất thải.

### **6.6.4. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường:**

Bổ trí mạng lưới quan trắc, kiểm tra chất lượng môi trường đất, nước, không khí và dự báo khí tượng thủy văn nhằm phát hiện kịp thời mọi biến động, thay đổi để có phương sách điều chỉnh thích nghi. Đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế và xử lý ô nhiễm. Việc quan trắc chất lượng môi trường cần được tiến hành định kỳ nhằm quản lý và kiểm soát được môi trường.

## **7. Các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông: Triển khai xây dựng các tuyến giao thông chính bao gồm: đường tỉnh lộ 16 đi qua địa bàn xã, đường vào các điểm du lịch như hồ Thủy điện, thác Tâm Tình. Nâng cấp các tuyến đường thôn, xóm đã xuống cấp.

+ Thủy lợi: Đầu tư nạo vét, khơi thông các kênh, mương và khe suối; kiên cố các tuyến mương chưa được đầu tư.

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng thiết yếu : cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc.

- Bổ sung hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

+ Bổ sung cơ sở vật chất còn thiếu cho các trường THCS, tiểu học, mầm non; mở rộng trường THCS và đầu tư xây dựng trường mầm non tại khu vực trung tâm để đảm bảo đạt chuẩn quốc gia;

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình xã hội như: trụ sở công án, công viên vui chơi giải trí, nâng cấp các nhà sinh hoạt cộng đồng và sân chơi, vườn hoa tại các thôn ...

- Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu vực sản xuất.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu dân cư tập trung tại các thôn.

- Đầu tư nâng cấp bến thuyền tại hồ Thủy điện phục vụ du lịch.

## **8. Các giải pháp thực hiện quy hoạch chủ yếu**

- Giải pháp huy động các nguồn vốn.
- Giải pháp về nguồn nhân lực.
- Giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường
- Các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội.
- Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.
- Thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch.

**Điều 2.** Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

- Ủy ban nhân dân xã Hương Bình có trách nhiệm chủ trì phối hợp Phòng Quản lý đô thị thị xã tiếp tục tổ chức lập Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch đã được phê duyệt; triển khai công bố quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân liên quan biết để thực hiện theo quy định; Tham mưu tổ chức lập, thẩm định và trình phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch; Phát hành hồ sơ, cập nhật vào cơ sở dữ liệu GIS Huế và lưu trữ để sử dụng hồ sơ đồng bộ, đảm bảo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Hương Bình thường xuyên tổ chức tuyên truyền, công khai, tổ chức quản lý quy hoạch, rà soát quy hoạch theo thẩm quyền đảm bảo quy định của pháp luật. Phối hợp các cơ quan liên quan để tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư, phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và lĩnh vực được phân công, các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp thường xuyên với Ủy ban nhân dân xã Hương Bình để tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Tài nguyên & Môi trường, Quản lý đô thị, Văn hóa - Thông tin, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội; Chủ tịch UBND xã Hương Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, QLĐT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Duy Hùng**